

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/DS-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(tín dụng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thông;
2. Bà Vương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 403/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-DS ngày 27/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quý tín dụng nhân dân T; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1978 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật. Bà H ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết vụ án cho ông Phạm Thế A, sinh năm 1978 – chức vụ Trưởng phòng giao dịch B (Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2017).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Ấp L, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu P – Chủ tịch UBND xã L.

3.2. Ông Nguyễn Kim H, sinh năm 1980; HKTT: Số 89A21 đường U, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện nguyên đơn ông Phạm Thế A có mặt tại phiên tòa. Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã L và ông Nguyễn Kim H có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2017, các bản tự khai, các biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Phạm Thế A trình bày:***

Quỹ tín dụng nhân dân T (sau đây gọi tắt là QTD T) có ký hợp đồng tín dụng số 0845/HĐTD ngày 15/10/2013 cho bà Lê Thị Thu T vay tín chấp số tiền 50.000.000 đồng, với thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất trong hạn là 1,4% /tháng, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; cách thức trả gốc và lãi là trả hàng tháng với tổng số tiền 1.784.000 đồng. Người bảo lãnh tín chấp là UBND xã L, huyện Dầu Tiếng, người thừa kế là ông Nguyễn Kim H (quan hệ là chồng bà T). Bà T đã trả được cho QTD T đến hết tháng 01/2016. Kể từ tháng 02/2016 đến nay, bà T không trả. QTD T đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu bà T trả nợ nhưng không được.

Theo Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 0845/HĐTD ngày 15/10/2013, người thừa kế là ông Nguyễn Kim H (quan hệ là chồng bà T) cùng ký tên trên hợp đồng có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T trong trường hợp bà T không còn khả năng trả nợ vay cho QTD T. Tuy nhiên, QTD T không xác định được chữ ký trên hợp đồng có phải do ông H ký hay không nên QTD T xác định chỉ yêu cầu một mình bà T có nghĩa vụ trả nợ cho QTD T, không yêu cầu ông H có nghĩa vụ gì đối việc vay tiền của bà T.

Tính đến ngày 31/10/2018, QTD T xác định và yêu cầu bà T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 25.491.511 đồng, trong đó nợ gốc là 14.956.000 đồng và nợ lãi là 10.535.510 đồng. Đồng thời yêu cầu bà T có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận từ ngày 01/11/2018 đến khi thanh toán hết nợ trên.

Chứng cứ nguyên đơn QTD T giao nộp: Hồ sơ pháp lý và ủy quyền của QTD T; Đơn khởi kiện ngày 27/10/2017 (bản chính); 01 hợp đồng tín dụng số 0845/HĐTD ngày 15/10/2013 (bản sao); Phụ lục hợp đồng số 0845 ngày 15/10/2013 (bản sao); Biên bản kiểm tra xử lý nợ quá hạn ngày 20/5/2016 (bản sao); CMND của bà T và ông H (bản photo); bản kê chi tiết đóng lãi ngày 27/10/2017 (bản chính); Bản tự khai ngày 27/10/2017 (bản chính); Quyết định số 116/2017/QĐST-DS ngày 25/8/2018 của TAND huyện Dầu Tiếng (bản chính).

Ngoài ra, đại diện nguyên đơn không cung cấp chứng cứ và không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** Bị đơn bà Lê Thị Thu T:**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ đã thu thập được để bị đơn bà T biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bà T vắng mặt suốt quá trình tố tụng không lý do.

*** Tại Văn bản số 245/UBND-NC ngày 10/9/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã L có ý kiến:**

Trước đây, UBND xã L có xác nhận cho bà Lê Thị Thu T làm hồ sơ vay vốn của QTD T. Việc xác nhận của UBND xã L là vì trong thời gian đó bà T đang giữ chức danh công chức văn phòng thống kê của UBND xã L. Đến tháng 02/2016, bà T không còn công tác tại UBND xã L nữa. Hiện, QTD T khởi kiện đối với bà T thì đề nghị TAND huyện Dầu Tiếng giải quyết theo quy định của pháp luật.

UBND xã L yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng theo quy định.

*** Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 01/3/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim H trình bày:**

Thời điểm năm 2013, ông H và bà T có quan hệ là vợ chồng. Năm 2013, bà T có vay của QTD T số tiền là 50.000.000 đồng với mục đích sinh hoạt gia đình theo hợp đồng tín dụng số 0845/HĐTD ngày 15/10/2013. Khi vay tiền, bà T có cầm hợp đồng đưa cho ông H ký tên và ông H có ký tên vào hợp đồng nhưng ông H không đọc nội dung hợp đồng. Năm 2016, QTD T có đến làm việc và yêu cầu trả nợ thay cho bà T nhưng ông H không đồng ý cũng như không có khả năng để trả. Hiện tại, ông H và bà T đã ly hôn, bà T đã bỏ địa phương đi đâu ông H không biết. Ông H xác định không có trách nhiệm thanh toán nợ của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông H xác định do bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng theo quy định.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông A có mặt; bị đơn bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã L và ông H đã có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo quy định. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng

dân sự vay tài sản (tín dụng)”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị, khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của QTD T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên đơn ông A có mặt; bị đơn bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã L và ông H đã có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2017 và tại phiên tòa, QTD T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải thanh toán cho QTD T số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/10/2018 là 25.491.511 đồng, trong đó nợ gốc là 14.956.000 đồng và nợ lãi là 10.535.510 đồng; đồng thời từ ngày 01/11/2018 đến khi thanh toán hết nợ trên, yêu cầu bà T có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 0845/HĐTD ngày 15/10/2013. Theo hợp đồng tín dụng số 0845/HĐTD ngày 15/10/2013 và theo kết quả xác minh ngày 06/11/2017 thì bà T có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng)”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn QTD T: Theo QTD T thì ngày 15/10/2013, QTD T có cho bà T vay tín chấp số tiền 50.000.000 đồng, với thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất trong hạn là 1,4% /tháng, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn theo hợp đồng tín dụng số 0845/HĐTD; theo đó hàng tháng bà T phải trả gốc và lãi với tổng số tiền 1.784.000 đồng. Bà T đã trả được cho QTD T đến hết tháng 01/2016 và từ tháng 02/2016 đến nay bà T không trả. Theo QTD T tính đến ngày 31/10/2018 là 25.491.511 đồng, trong đó nợ gốc là 14.956.000 đồng và nợ lãi là 10.535.510 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, QTD T đã cung cấp chứng cứ là bản sao hợp đồng tín dụng số 0845/HĐTD ngày 15/10/2013; bản sao Phụ lục hợp đồng số 0845 ngày 15/10/2013; bản sao Biên bản kiểm tra xử lý nợ quá hạn ngày 20/5/2016 và bản kê chi tiết đóng lãi ngày 27/10/2017.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Dầu Tiếng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng như: Niêm yết công khai các thủ tục, niêm yết công khai các tài liệu chứng cứ đã thu thập được để bị đơn bà T biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn bà T

không cung cấp ý kiến, chứng cứ là từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ chứng minh theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của QTD T xác định: Theo Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 0845/HĐTD ngày 15/10/2013, người thừa kế là ông Nguyễn Kim H (quan hệ là chồng bà T) có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T trong trường hợp bà TrangT không còn khả năng trả nợ vay cho QTD T. Tuy nhiên, QTD T không xác định được chữ ký trên hợp đồng có phải do ông H ký hay không nên QTD T xác định chỉ yêu cầu một mình bà T có nghĩa vụ trả nợ cho QTD T, không yêu cầu ông H có nghĩa vụ gì đối việc vay tiền của bà T. Đây là ý kiến tự nguyện của QTD T nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến.

[6] Qua tranh tụng công khai, xem xét toàn bộ tài liệu chứng cứ của QTD T cung cấp, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của QTD T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc bà T phải thanh toán cho QTD T số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/10/2018 là 25.491.511 đồng, trong đó nợ gốc là 14.956.000 đồng và nợ lãi là 10.535.510 đồng; đồng thời từ ngày 01/11/2018 đến khi thanh toán hết nợ trên, bà T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 0845/HĐTD ngày 15/10/2013.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng, đề nghị nội dung giải quyết đối với vụ án là phù hợp pháp luật.

[8] Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 471, 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T đối với bà Lê Thị Thu T về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng)”.

1.1. Buộc bà Lê Thị Thu T có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/10/2018 là 25.491.511 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi một nghìn năm trăm mười một đồng), trong đó nợ gốc là 14.956.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng) và nợ lãi là 10.535.510 đồng (mười triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm mười một đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 31/10/2018), bà Lê Thị Thu T còn tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh

toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 0845/HĐTD ngày 15/10/2013 cho đến khi bà Lê Thị Thu T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng nhân dân T thì lãi suất mà bà Lê Thị Thu T phải tiếp tục thanh toán theo quyết định sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân T.

2. Về án phí:

2.1. Bà Lê Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.274.575 đồng (một triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

2.2. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 540.700 đồng (năm trăm bốn mươi nghìn bảy trăm đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0011016 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 31/10/2018).

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng